

Số:342/YCBG-TTYT

Cẩm Khê ngày 15 tháng 05 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Thông tin đơn vị:

- Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê.
- Địa chỉ: Số 147 đường Hoa Khê, thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
- Mã số thuế: 2600527095

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Bà: Vũ Thị Mai - Chức vụ: Nhân viên phòng TCKT
- Số điện thoại: 0968010906

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận qua email: yumaick90@gmail.com Đồng thời gửi kèm bản dấu đỏ tại Phòng TCKT Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê.
- Mẫu báo giá đính kèm.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 15 tháng 05 năm 2025 đến trước 17h ngày 24 tháng 05 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 05 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Gạc hút y tế	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất	7.000	Mét

		gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Khổ 0,8 mét Kiện 1000 mét		
2	Cidex OPA	- Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHOPHTHALADEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8 - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được 75 ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (<i>Mycobacterium bovis</i>). - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz.) - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS Can 3,78 lít	06	Can
3	Dây bơm tiêm điện	Có dây dẫn dài 1400mm, đường kính ngoài của dây 1,1mm, dây dẫn làm bằng chất liệu nhựa cường lực có độ đàn hồi tốt, có khóa an toàn, không gây độc hại kích ứng, bao bì sản phẩm có băng giấy thoát khí EO. Hộp 100 cái	100	Cái
4	Băng cuộn cỡ 7 cm x 5 m	Kích thước: 7 cm x 5 m, Gạc màu trắng không ô vàng, không mốc,	800	Cuộn

		cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Hai đầu cuộn băng phải bằng, không lệch, không xơ: chiều dài: $5,0 \pm 0,2\text{m}$, chiều rộng: $7\text{cm} \pm 0,5\text{cm}$. Độ lệch sợi không quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn) . Giới hạn nối; cuộn băng có thể là 1 mảnh hay 2 mảnh nối lại với nhau.		
5	Chỉ Dafilon số 2.0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 31.39N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài tiêu chuẩn FDA Hộp 36 vỉ	03	Hộp
6	Chỉ Dafilon số 3.0	Chỉ phẫu thuật dafilon 3/0 là chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác DS24 phủ silicone, đóng gói 02 lớp DDP. Hộp 36 vỉ	05	Hộp
7	Kim chọc dò tủy sống	Mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương. Độc kim trong suốt có phản quang, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. Kích thước: 25G, 27G	200	Cái
8	Lưỡi dao mổ	Lưỡi dao mổ dùng 1 lần, các cỡ Chất liệu thép không gỉ. Lưỡi dao mổ có các kích cỡ sau: 11, 20, 21. Lưỡi dao mổ được đóng gói riêng biệt vào túi nhôm mỏng trong đó được tiệt trùng bằng tia Gama Hộp 100 cái	500	Cái
9	Túi camera	Chất liệu Nylon HD, vô trùng, Đạt TCVN ISO 13485 hoặc tương đương	200	Cái
10	Kim luồn tĩnh mạch	Loại có cửa bơm thuốc, có cơ cấu tự	500	Cái

	B.Braun	bịt đầu kim an toàn, các cỡ. -Quy cách: 50 cái/ hộp		
11	Mask khí dung	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh- Có bầu khí dung- chiều dài dây dẫn. -Các cỡ M, L, XL	100	Cái
12	Giấy in siêu âm	Giấy in kích thước: 110mm x 20m- Cỡ A6- In đen và trắng chất lượng cao- Dùng cho siêu âm. Hộp 10 cuộn	160	Cuộn
13	Sonde foley 2 nhánh	Không chứa DEHP gây ung thư Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên, Phủ Silicon Có bóng dung tích 5cc-30cc, bóng căng đều Lỗ thông tiểu tiểu lớn và trơn Tráng silicon trong lòng ống Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO Số : 8,12,14,16 Quy cách: 1 cái/gói	200	Cái
14	Dầu Parafin	-Dầu paraffin là một dạng chất lỏng dùng để bôi trơn các đầu ống sonde để đưa vào trong cơ thể làm mềm phân trong trường hợp cần thiết. -Chai 500ml	05	Chai
15	Kim châm cứu các số	Kim có cán đồng có khuyên. Thân kim sử dụng thép không gỉ chuyên dụng trong phẫu thuật. Dẫn điện và dẫn nhiệt tốt. Được đóng gói Vô trùng. Tiệt trùng bằng khí EO. Các cỡ, Đường kính 0.14mm ~ 0.45mm, Chiều dài 7mm ~ 125mm. Hộp 100 cái	15.000	Cái
16	Dây hút dịch	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. Tiệt trùng bằng khí EO.	1.200	Cái

		Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015. Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18Fr.		
17	Máy đo huyết áp	- Đồng hồ đo có quả bóp làm bằng chất liệu cao su, van xả khí được mạ Crom nhằm chống oxy hóa và có độ bền cao, mặt đồng hồ được làm bằng kính chịu lực cao cấp, có độ thẩm mỹ cao. - Đồng hồ hiển thị kết quả chính xác, vạch chia từ 20 ~ 300mmHg, độ chính xác cao	05	Cái
18	Ống môi trường tăng sinh có chứa kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B	Ống nhựa chứa 5ml môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS) Thành phần: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate, Nalidixic acid, Colistin sulfate, pH: 7.8±0.2 ở 25°C Đóng gói: hộp 10 ống	20	Ống
19	URiSCAN SUPER Cassette (11 thông số)	Là que thử nước tiểu sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu UriScan Super + Ứng dụng trong nhu cầu xét nghiệm 11 thông số: Blood, Bilirubin, Urobilinogen, Ketones, Protein, Nitrite, Glucose, pH, Leucocyte, VtC, Compennation và 2 thông số nội suy (SG, Clarity) Thành phần: Blood: 3,3',5,5'-Tetrametylbenzidin 11,2 mg, Cumen hydroperoxit 94,4 mg Bilirubin: 2,4-Dichloroanilinediazonium 8,0 mg. Urobilinogen: p-Dimetylaminobenzaldehyd 60,0mg. Ketones: Sodium nitropruside 120,0mg Protein:	02	Hộp

		Tetrabromphenol blue 4.0 mg Nitrite: p-Arsanilic acid 14 mg. Glucose: glucoza oxydaza 1.840 đơn vị , Peroxidase 8400 đơn vị, Potassium iodide 60 mg. pH: Methyl red 2 mg, Bromthymol blue 2.8 mg. Leucytes: Naphtol AS-D chloroacetate 30 mg, 2 chloro 4 benzamide 5 methylbenzendiazonium chloride 6 mg. Ascorbic Acid: 2,6 Dichlophenolindophenol 6mg, Methyl red 6mg. Bảo quản ở nhiệt độ 2 đến 30 °C Quy cách : Hộp 400 test		
20	Đầu côn xanh có khóa	Dung tích: 200/1000μl; Có khóa, màu xanh, bằng nhựa PP, không DNase và không RNase, Đầu côn được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipette thành trong đầu côn không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác khi bơm. Tiệt trùng. -Quy cách: 500 cái/túi	500	Cái
21	Chỉ Catgut Cromich các số	Các số, Hộp 12 vĩ, dài 75 cm Chỉ tan chậm tự nhiên (sinh học) làm từ sợi Collagen tinh khiết, giữ vết khâu tốt từ 14-21 ngày, thời gian tan hoàn toàn: 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ	48	Sợi
22	Kit định lượng HBV	Kỹ thuật: Real-time PCR - Phương pháp phân tích: Định tính và định lượng - Trình tự đích: P gene - Độ đặc hiệu phân tích: HBV genotype A - H, HBV đột biến tiền lõi (âm tính với HBeAg), 100% - Độ nhạy phân tích (Giới hạn phát hiện LoD): chỉ từ 13.9 IU/ml với xác suất 95%	100	Test

		-Quy cách: Hộp 100 test		
23	Kit thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B	Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016. Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương. Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương. Độ nhạy:100%, Độ đặc hiệu: 99.88%. Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04. Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20. Vạch chứng IgG dê kháng chuột, Bảo quản ở nhiệt độ thường. Ngưỡng phát hiện 1ng/ml	800	Test
24	Ống nghiệm có chất chống đông Lithium Heparin	Ống nghiệm kích thước 12x75mm; thân ống sản xuất từ vật liệu nhựa Polypropylene (PP), nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế - Thể tích: 2ml - Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine lithium. - Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ...trừ Li ⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcool trong máu. - Nắp đậy ống nghiệm: gắn nắp nhựa màu đen. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015. -Quy cách: 100 Ống/ khay	8.400	Ống
25	Ống nghiệm lấy máu K2EDTA 2ml	Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước 12-13x75mm Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm Hbalc...) Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid Dipotasium (EDTA K2) Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa/ nắp cao su màu xanh lam. Màu nắp có thể thay đổi tùy theo nhu cầu. -Quy cách: 100 chiếc/ khay	8.000	Chiếc

26	Que thử nước tiểu 10 thông số	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: $\leq 15 - \geq 30$mg/dL albumin Blood: $\leq 0.015 - \geq 0.062$mg/dL hemoglobin Leukocyte: $\leq 5 - \geq 15$ Nitrite: $\leq 0.06 - \geq 0.1$mg/dL nitrite ion Glucose: $\leq 75 - \geq 125$mg/dL Ketone: $\leq 5 - \geq 10$mg/dL acetoacetic acid pH: khoảng 4.6- 8.0 SG: khoảng 1.001- 1.035 Bilirubin: khoảng 0.4- 0.8mg/dL Urobilinogen: khoảng 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động Hộp 100 test	14	Hộp
27	Test Dengue NS1	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.	90	Test
28	Test thử lao	Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Định tính phát hiện kháng thể TB Lao IgG/IgM Độ nhạy tương quan $\geq 88\%$ Độ đặc hiệu tương quan $\geq 96\%$ Thành phần Test thử: Vùng cộng hợp vàng M.TB, kháng thể IgY gà Vạch kết quả M kháng nguyên tái tổ hợp M.TB1 Vạch kết quả G kháng nguyên tái tổ hợp M.TB2. Vạch chứng kháng thể dê kháng IgY gà Hộp 30 test	60	Test
29	Test thử ma túy tổng hợp (Amphetamine, marijuana, morphin, codein,	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu với thành phần: Amphetamine, marijuana, morphin, codein, heroin	200	Test

	heroin)			
30	Test thử virus hợp bào (RSV)	Test nhanh phát hiện định tính kháng nguyên virus hợp bào hô hấp (RSV) từ dịch hút vòm mũi họng. Không khuyến cáo sử dụng tăm bông lấy mẫu; Độ nhạy: $\geq 92\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 93\%$	100	Test
31	Dây garo	Loại có khóa. Dùng để thắt mạch khi lấy máu hoặc cầm máu	25	Cái
32	Đầu nối dây máy hút dịch	Sử dụng cho máy hút dịch dùng trong y tế	10	Cái
33	Filter lọc máy hút dịch	Filter, lọc khí, lọc bụi cho máy hút dịch. Dùng thay thế khi bộ phận lọc khí, filter bị bẩn.	40	Cái
34	Phim XQ cỡ 8*10 inch (20*25cm)	Được làm từ chất liệu PET. Kích thước: 8x 10 in (20*25cm) -Quy cách: Hộp 100 phim	100	Phim
35	Chất lấy dấu Aroma GC (500g)	Thành phần: Sodium alginate, Calcium sulfate và các loại thành phần khác Túi 500 gam	02	Túi
36	Thạch cao vàng	Chất làm khuôn răng Planet Yellow (Thạch cao đá) Trọng lượng đóng gói 1kg/ 1 túi	02	Túi
37	Ống hút nước bọt	Kích thước: ống Ø6,5 mm - chiều dài 140 mm. Ống nhựa trong, có dây kim loại được che kín trong thành ống 100 cái/ bịch	02	Bịch
38	Eco- Etch Refill 2x2g (Hộp/2 tuýp, tuýp/2g)	Thành phần: Chứa acid phosphoric 37% dạng gel, Tuýp 2g	02	Tuýp
39	Fuji 9 -15g - vật	Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer	03	Hộp

	liệu hàn răng -GC Gold Label HS Posterior Extra 1-1 Pkg A3(1 hộp 15g Powder, 8g Liquid)	cán quang dành cho răng . Hộp/15 g+8ml		
40	Chất hàn tạm cavition (Màu hồng)	Chất hàn tạm dùng trong nha khoa	05	Hộp
41	Vật liệu trám răng - Ultracal XS (5117- 1)	Thành phần bao gồm Ca(OH) ₂ dạng bột nhão Ph12,5. Dạng tuýp 1.2ml. Dùng đặt trong ống tủy -Tuýp 1,2ml	02	Tuýp
42	Gutta percha	Côn Gutta percha dùng trong nha khoa Số 20,25	06	Hộp
43	Lentulo mani	Được làm bằng thép không gỉ Hard- Ferber Size: 25, 30, 35, 40 (dài 21mm, 25mm) vi 4 cây đủ size Vi 4 cái	05	Vi
44	Kim nha khoa	Cỡ kim 27G Chiều dài kim 21mm Quy cách đóng gói: Hộp 100 cái. Số 27G. -Quy cách: Hộp 100 cái	02	Hộp
45	Mũi khoan răng DIA-Burs các cỡ	Lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan.Mũi khoan trụ RS 11.Mũi khoan trụ TR 13. Mũi khoan trụ PR 41 Vi 5 cái	16	Vi
46	Mũi khoan phẫu thuật cắt xương dùng tay chậm	Được sử dụng phổ biến trong phẫu thuật cắt răng trong nha khoa Là loại mũi khoan được cấu thành từ cacbon, rất cứng	15	Mũi
47	Trâm gai short barded broaches	- Trâm gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy. Dài 21mm	50	Hộp

		-Hộp 6 cái		
48	Xi măng hàn răng Tetric N - Bond Refill 1 x 6g (chai/6g) Keo áo	Dung môi là Ethenol nên ổn định và ít bị bay hơi Ứng dụng trong kỹ thuật quét keo một lớp. Liên kết mạnh mẽ với men – ngà răng, đảm bảo độ khít sát đồng nhất của miếng trám. Giảm thiểu nguy cơ viêm nhiễm các vùng nhạy cảm sau khi trám. Quy cách: lọ 6g	01	Lọ
49	Vật liệu trám răng điều trị tủy (Eugenol)	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa	05	Lọ
50	Bộ tiêm truyền đa dòng có PCA dùng một lần – Flexfuser plus -150ml	Bộ truyền kiểm soát giảm đau PCA, 8 cấp độ, có liều bonus (0/2/4/6/8/10/12/14 ml/h + bolus 0.5ml/h) Túi 01 bộ	100	Bộ
51	Gạc phẫu thuật không dệt (7.5x7.5) cm 6 lớp	Gạc không dệt (7.5x7.5) cm 6 lớp. Túi 10 miếng	1000	Miếng
52	Mask oxy có túi	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn.	40	Cái
53	Ống mở khí quản hai nòng có bóng (mã 8FEN)	Ống mở khí quản hai nòng có bóng có cửa sổ. Số 8 (OD = 12.2mm, ID = 7.6mm, độ dài ống 81mm, đường kính bóng 27mm). Tiêu chuẩn: FDA, ISO, EC.	05	Cái
54	Dây máy hút dịch	Dây hút dịch silicon dùng cho máy hút dịch. Dùng thay thế khi dây hút dịch bị ố, bẩn, đứt.	50	Mét
55	Dung dịch phenol bão hòa	- Quy cách : 250g / 1 lọ -Điểm nóng chảy: 40,5 °C -Công thức: C ₆ H ₆ O -Điểm sôi: 181,7 °C -Mật độ: 1,07 g/cm ³ -Khối lượng phân tử: 94,11 g/mol	02	Lọ

56	Dung dịch nhuộm OG6	- Dung dịch nhuộm Papanicolaou OG-6, dạng lỏng, màu cam, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước - Điểm nóng chảy / điểm đóng băng: ~ -114°C - Điểm sôi và Phạm vi sôi: 78-80 °C - Điểm nóng chảy / Điểm đóng băng: -89.5°C - Điểm chớp cháy: ~13 °C - Thành phần gồm có: - Ethyl Alcohol ~85%; Nước 5%; Isopropyl Alcohol ~4%; Methyl Alcohol ~4%; Phosphotungstic Acid <5%; Orange G <2%. -Quy cách: Chai 1000ml	01	Chai
57	Bóng đèn máy sinh hóa BS 480	Bóng đèn sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa BS 480	01	Cái
58	Huyết thanh mẫu định nhóm máu hệ ABO Anti A, B (Anti AB (IgM))	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. ISO-13485. -Quy cách: Lọ 10ml	04	Lọ
59	VIDAS FT4	VIDAS FT4 là một xét nghiệm miễn dịch enzyme định lượng tự động sử dụng trên các dòng máy VIDAS, để định lượng thyroxine tự do (FT4) trong huyết thanh hoặc huyết tương người (chống đông bằng lithium heparine) sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme). Đo nồng độ FT4 tự do được sử dụng để chẩn đoán và theo dõi điều trị bệnh rối loạn tuyến giáp. Hộp 60 test	02	Hộp
60	Vidas high sensitive troponin I (TNHS)	Vidas Troponin I là một xét nghiệm miễn dịch enzyme định lượng tự động sử dụng trên các dòng máy VIDAS định lượng Troponin I trong	04	Hộp

		huyết thanh hoặc huyết tương người. 60test/ hộp		
61	VIDAS TSH	VIDAS TSH là một xét nghiệm định lượng tự động sử dụng trên các dòng máy VIDAS, để xác định hormon kích tuyến giáp (TSH) trong huyết thanh hoặc huyết tương người (chống đông bằng lithium heparin), bằng miễn dịch enzym, sử dụng kỹ thuật ELFA (Enzyme Linked Fluorescent Assay - Xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzym) Hộp 60 test	01	Hộp
62	VIDAS FT3	VIDAS FT3 là một xét nghiệm định lượng tự động sử dụng trên các dòng máy VIDAS, để định lượng triiodothyronin tự do (FT3) trong huyết thanh hoặc huyết tương người (chống đông bằng lithium heparin), sử dụng kỹ thuật ELFA (Enzyme Linked Fluorescent Assay - Xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzym) 60 test/ hộp	02	Hộp
63	VIDAS AFP	Vidas AFP là xét nghiệm định lượng tự động sử dụng với các dòng máy VIDAS, để định lượng alpha feto-protein trong huyết thanh hoặc huyết tương người (chống đông bằng lithium heparin hoặc EDTA) hoặc nước ối, sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzym)./ 60 test/ hộp	01	Hộp
64	VIDAS CA 15-3	VIDAS CA 15-3 là xét nghiệm định lượng tự động sử dụng với các dòng máy VIDAS, để định lượng mức độ CA 15-3 trong huyết thanh hoặc huyết tương người (chống đông bằng lithium heparin hoặc EDTA), sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm	01	Hộp

		huỳnh quang liên kết enzym)./ 30 test/Hộp		
65	VIDAS CA 19-9	VIDAS CA 19-9 là một xét nghiệm định lượng sử dụng trên các dòng máy máy VIDAS, để định lượng quyết định kháng nguyên phản ứng 1116-NS-19-9 trong huyết thanh hoặc huyết tương (chống đông bằng lithium heparin hoặc EDTA), sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzym)./ 30 test/Hộp	01	Hộp
66	VIDAS HBe/Anti-Hbe	Xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên e (HBe Ag) hoặc kháng thể (anti-Hbe) virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương người, sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme) Quy cách: Hộp 30 test	02	Hộp
67	VIDAS CEA (S)	VIDAS CEA (S) là xét nghiệm định lượng tự động sử dụng với các dòng máy VIDAS, để định lượng kháng nguyên Carcinoembryonic trong huyết thanh hoặc huyết tương người (chống đông bằng lithium heparin hoặc EDTA), sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzym)./ 60 test/Hộp	01	Hộp
68	VIDAS B.R.A.H.M.S PCT	Test/ xét nghiệm định lượng Procalcitonin sử dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang liên kết enzyme Bộ kit gồm: 60 thanh hóa chất PCT, 60 pha rắn (SPR) PCT, 2 x 2ml chất chứng C1, 2 x 2ml chất chứng C2, 2 x 2ml chất chuẩn S1, 2 x 2ml chất chuẩn S2 60 test/Hộp	01	Hộp
69	STA-C.K.Prest 5	Hóa chất dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương, chứa	03	Hộp

		cephalin từ mô não thô, dung dịch đệm kaolin. Hộp 6x5ml		
70	Diacon N (Asscontrser Abn)	QC cho xét nghiệm sinh hóa thường quy. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người Hộp: 1x5mL	02	Lọ
71	Diacon P (Asscontrser Abn)	QC cho xét nghiệm sinh hóa thường quy. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người Hộp: 1x5mL	02	Lọ
72	CRP Latex	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP Sử dụng cho các máy sinh hóa AU Hộp 4x30mL+4x30mL	02	Hộp
73	BIOCHEMIS TRY CONTROL SERUM (Human) I	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Quy cách: 1x5mL	01	Lọ
74	BIOCHEMIS TRY CONTROL SERUM (Human) II	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Quy cách: 1x5mL	01	Lọ

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Đơn vị cung ứng phải đáp ứng các yêu cầu về vận chuyển, bảo quản thiết bị y tế và giao hàng tại khoa Dược-VT-TBYT Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong tháng 06 năm 2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sau khi hoàn thành công việc thì thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có)/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HSMS, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thành Mạnh
Trưởng Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê
Đoàn Quỳnh Hương - Phó Thủ

Mẫu báo giá
Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật ⁽³⁾	Quy cách đóng gói ⁽⁴⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽⁵⁾	Mã HS ⁽⁶⁾	Năm sản xuất ⁽⁷⁾	Xuất xứ ⁽⁸⁾	Đơn vị tính ⁽⁹⁾	Số lượng/khối lượng ⁽¹⁰⁾	Đơn giá ⁽¹¹⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽¹²⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹³⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁴⁾ (VND)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
**Đại diện hợp pháp của hãng sản
xuất, nhà cung cấp⁽¹⁵⁾**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 15.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật của từng thiết bị y tế.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi rõ quy cách đóng gói của từng thiết bị y tế.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(7), (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính của thiết bị y tế.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế,

phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(15) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

